TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HĐ
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 104/2022/DS-ST
Ngày 30/12/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HĐ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Việt Thái

Ông Trần Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Phương Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 231/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tăng Thị G, sinh năm: 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp VR, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Văn Tr, sinh năm: 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TA, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* NLQ1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Tăng Thị G trình bày như sau:***

Nguyên vào năm 2018, ông Đặng Văn Tr và bà Đoàn Thị T có đến nhà tôi nhờ tôi hỏi mượn dùm cho ông Tr, NLQ số tiền 412.700.000 đồng để ông Tr, NLQ

làm ghe, kể từ khi chốt hợp đồng trả nợ ông Tr hứa cuối tháng 01/2019 (al) mỗi tháng ông Tr trả cho tôi số tiền là 5.000.000 đồng.

Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ ông Tr không trả tiền cho tôi đúng như thỏa thuận đã cam kết tại hợp đồng trả nợ, kéo dài cho đến nay đã hơn 04 năm ông Tr, NLQ vẫn không trả cho tôi đồng nào. Việc làm trên của ông Tr, NLQ đã làm ảnh hưởng rất lớn đến quyền, lợi ích chính đáng của tôi, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống kinh tế gia đình tôi.

Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện HĐ xem xét giải quyết buộc ông Tr, NLQ phải có trách nhiệm liên đới trả cho tôi số tiền nợ gốc là 412.700.000 đồng (bốn trăm mười hai triệu bảy trăm ngàn đồng), tôi không yêu cầu tỉnh lãi. Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm

**** Bị đơn ông Đặng Văn Tr và NLQ trình bày như sau:***

Tôi có ký vào Hợp đồng trả nợ này nhưng là do bà G nói tôi chỉ ký vào để con bà G không quậy bả thôi nên tôi mới ký. Vì thực tế trong thời gian đó gia đình tôi với gia đình bà G rất thân thiết với nhau nên có hùn hạp làm ghe với nhau. Sau đó làm ăn không có hiệu quả nên thống nhất bán ghe trả nợ, tôi thừa nhận còn nợ bà G số tiền 412.700.000 đồng nhưng tôi không có khả năng trả mỗi tháng 5.000.000 đồng. Nay chúng tôi xin bà Gái tạo điều kiện cho chúng tôi trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

** Tại phiên tòa, Vị đại diện Việm kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán cơ bản đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX): Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay; xét thấy phía bị đơn đã thừa nhận số nợ, nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Tăng Thị G khởi kiện yêu cầu ông Đặng Văn Tr và NLQ phải trả số tiền 412.700.000 đồng. Phía bị đơn cư trú tại ấp TA, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Đặng Văn Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Tr.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Từ năm 2016 giữa ông Đặng Văn Tr và ông Nguyễn Hiếu Th (con bà Tăng Thị G) có hùn vốn mua ghe đánh bắt hải sản. Do không có đủ tiền hùn và trang trải trong thời gian làm ghe nên bà Tăng Thị G có đứng ra hỏi nợ bên ngoài giùm cho ông Tr rất nhiều tiền, sau một thời gian làm ghe các bên thống nhất bán ghe trả nợ. Đến ngày 24/9/2018 ông Tr có ký xác nhận còn nợ bà G số tiền 412.700.000 đồng và thống nhất trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho bà G. Tuy nhiên ông Tr không thực hiện được nên phát sinh tranh chấp. Tại biên bản làm việc và tại phiên tòa hôm nay, ông Tr và NLQ thừa nhận còn thiếu nợ bà Gái số tiền 412.700.000 đồng theo đúng Hợp đồng trả nợ đã ký ngày 24/9/2018 nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà G là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét về lãi suất: Bà G không có yêu cầu tính lãi, nên HĐXX không xem xét.

Tại phiên tòa, NLQ yêu cầu được trả dần cho bà G mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 3/2023 nhưng bà G không đồng ý nên HĐXX không ghi nhận được. Do yêu cầu trả dần của NLQ không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên HĐXX không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ phù hợp với nhận định của HĐXX, nên chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, sau khi thảo luận nghị án, HĐXX chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Tr và NLQ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền 412.700.000 đồng là 20.508.000 đồng. Do NLQ có đơn xin miễn giảm tiền án phí do hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương nên HĐXX xem xét giảm cho ông Trang, NLQ ½ số tiền án phí. Như vậy ông Tr, NLQ còn phải nộp số tiền án phí 10.254.000 đồng.

Yêu cầu khởi kiện của bà Tăng Thị G được HĐXX chấp nhận, nên không phải nộp án phí, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Gái.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tăng Thị G đối với ông Đặng Văn Tr và NLQ.

Buộc ông Đặng Văn Tr, NLQ có trách nhiệm liên đới trả cho bà Tăng Thị G số tiền là 412.700.000đ *(Bốn trăm mười hai triệu, bảy trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đặng Văn Tr và NLQ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 10.254.000 đồng *(Mười triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn đồng)*.

- Hoàn trả cho bà Tăng Thị G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.254.000 đồng *(Mười triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0008160 ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Đặng Văn Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện HĐ;
- Chi cục THADS huyện HĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Cúc